

LƯU CPA VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: ASP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Minh Loan	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hồng Hiệp	Thành viên
	Ông Tomohiko Kawamoto	Thành viên
	Ông Hirohisa Ikeno	Thành viên
	Ông Jimba Kentaro	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 09/4/2016)
	Ông Yoshinori Yoshida	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/4/2016)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trần Minh Loan	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Minh Loan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số: 324/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 17/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Thị Minh Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1492-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		189.521.202.998	175.627.685.280
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.952.804.501	20.351.422.060
1. Tiền	111		13.952.804.501	20.351.422.060
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	32.275.600.000	10.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		32.275.600.000	10.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.049.869.741	144.308.028.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	79.470.744.769	137.023.370.630
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.401.750.000	1.936.370.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	40.184.604.375	3.684.604.375
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.292.770.597	3.463.683.072
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(1.300.000.000)	(1.800.000.000)
IV- Hàng tồn kho	140		18.467.749.844	-
1. Hàng tồn kho	141		18.467.749.844	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		1.775.178.912	968.235.143
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	314.422.197	968.235.143
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		458.207.159.535	444.813.074.285
I Các khoản phải thu dài hạn	210		158.919.932.683	145.525.847.433
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	134.200.000.000	120.800.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	24.719.932.683	24.725.847.433
II Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		82.463.460	82.463.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.463.460)	(82.463.460)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	299.287.226.852	299.287.226.852
1. Đầu tư vào công ty con	251		288.561.831.227	288.561.831.227
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.825.395.625	12.825.395.625
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.100.000.000)	(2.100.000.000)
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		647.728.362.533	620.440.759.565

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		211.783.956.026	189.155.941.607
I- Nợ ngắn hạn	310		211.783.956.026	189.155.941.607
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	81.330.938.491	105.821.880.345
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	948.332.615	1.236.954.352
4. Phải trả người lao động	314		148.048.360	347.740.015
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	513.232.011	164.185.450
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	1.490.465.988	1.131.222.591
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	127.334.064.653	80.435.084.946
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		18.873.908	18.873.908
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		435.944.406.507	431.284.817.958
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	435.944.406.507	431.284.817.958
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.399.290.000	373.399.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.399.290.000	373.399.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.433.420.000	1.433.420.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3.639.900)	(3.639.900)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		306.228.116	306.228.116
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.809.108.291	56.149.519.742
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		56.149.519.742	51.106.144.335
- LNST chưa phân phối kì này	421b		4.659.588.549	5.043.375.407
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		647.728.362.533	620.440.759.565

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Nhật Ngân



Vũ Văn Thắng



Trần Minh Loan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	750.412.805.252	585.031.280.005
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	750.412.805.252	585.031.280.005
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	736.357.676.976	576.283.588.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		14.055.128.276	8.747.691.639
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	9.212.672.553	8.268.909.482
7. Chi phí tài chính	22	5.18	4.290.901.226	(1.623.510.846)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.076.285.617	2.328.633.502
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.19	12.743.696.413	12.118.254.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		6.233.203.190	6.521.857.929
11. Thu nhập khác	31		-	64.595.500
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		-	64.595.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.233.203.190	6.586.453.429
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	1.573.614.641	1.543.078.022
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.659.588.549	5.043.375.407

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Nhật Ngân



Vũ Văn Thắng



Trần Minh Loan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	6.233.203.190	6.586.453.429
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Các khoản dự phòng	3	(500.000.000)	(2.379.814.123)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(9.180.650.553)	(8.268.909.482)
- Chi phí lãi vay	6	4.076.285.617	2.328.633.502
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	628.838.254	(1.733.636.674)
- Biến động các khoản phải thu	9	57.290.705.393	(75.301.224.274)
- Biến động hàng tồn kho	10	(18.467.749.844)	47.001.117
- Biến động các khoản phải trả	11	(24.359.968.772)	82.639.984.184
- Biến động chi phí trả trước	12	653.812.946	(864.550.259)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.726.171.058)	(2.176.255.979)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.834.725.716)	(3.083.839.985)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	10.184.741.203	(472.521.870)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(72.175.600.000)	(72.850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	161.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(70.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.693.261.531	8.268.909.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(63.482.338.469)	26.718.909.482
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	641.419.478.515	400.509.707.663
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(594.520.498.808)	(395.359.430.702)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.201.862.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	46.898.979.707	(6.051.585.639)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.398.617.559)	20.194.801.973
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.351.422.060	156.620.087
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.952.804.501	20.351.422.060

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Nhật Ngân

Vũ Văn Thắng

Trần Minh Loan

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí An Pha (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303224471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 5 năm 2015.

Sở hữu vốn:

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp đến 31/12/2016 VND	Tỷ lệ đã góp (%)
I. Các cổ đông	373.399.290.000	100,00%
Các cổ đông lớn	201.865.260.000	54,06%
1 Saisan Joint Stock Company	179.984.260.000	48,20%
2 Ông Trần Minh Loan	21.881.000.000	5,86%
Các cổ đông nhỏ	171.534.030.000	45,94%
1 Ông Nguyễn Hồng Hiệp	4.724.000.000	1,27%
2 Các cổ đông khác	166.810.030.000	44,67%
Tổng	373.399.290.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 805, Lầu 8, Toà nhà Saigon Paragon, Số 3, Đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động bình quân năm 2016 là: 10 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm: Mua bán khí hóa lỏng, vật tư thiết bị dầu khí; Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt; Kinh doanh vận tải; Kinh doanh vận tải sản phẩm dầu khí theo đường bộ, đường biển; Chiết nạp sản phẩm dầu khí (không chiết nạp tại trụ sở); Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình ngành dầu khí; Cho thuê kho bãi, phương tiện vận tải chuyên dụng ngành dầu khí đường bộ, đường thủy; Mua bán gỗ, vật liệu xây dựng, máy móc - thiết bị ngành công - nông nghiệp và xây dựng (trừ kinh doanh máy in), hàng gia dụng; Gia công, mua bán vải, hàng dệt may (trừ tẩy nhuộm); Mua bán sắt thép, vật tư thiết bị hàng hải; Phá dỡ tàu cũ. Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện); Sản xuất vật liệu xây dựng - xà phòng và chất tẩy rửa - chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán phương tiện vận tải; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng và mua bán thang máy, thiết bị ngành xây dựng (Không gia công cơ khí và sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở)/.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Mua bán, nhập khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

1.3. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Các Công ty con trực tiếp:

- Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Khí đốt Gia Đình
- Địa chỉ : Khu phố 4, Lã Xuân Oai, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 100%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
- Tên Công ty : Công ty Cổ Phần Dầu khí An Pha
- Địa chỉ : Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 98,11%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 98,11%

Các Công ty con gián tiếp (thông qua các Công ty con trực tiếp)

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Khí đốt Gia Đình
- Địa chỉ : Lô 14, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 98,01%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 98,01%
- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Năng lượng KT
- Địa chỉ : 92 Bis Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 100,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100,00%
- Tên Công ty : Công ty CP Thương mại Gas Bình Minh
- Địa chỉ : 10-12 Đường số 2, Phường 4, Quận 4, TP. HCM
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 99,99%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 99,99%
- Tên Công ty : Công ty TNHH Phân phối Gas Gia Đình
- Địa chỉ : Khu Cảng BourBon, ấp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 100,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100,00%

Danh sách các Công ty liên kết:

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Pha
- Địa chỉ : Khu Cảng BourBon, ấp Thuận Đạo, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 30,00%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 30,00%
- Tên Công ty : Công ty TNHH Bình khí Hong Vina
- Địa chỉ : 295/71 An Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
- Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 48,67%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 48,67%
- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Sài Gòn Cửu Long
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 39,05%
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ : 39,05%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản đầu tư Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty với Công ty liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản

Năm 2016
Thời gian khấu hao (Năm)

Thiết bị, dụng cụ quản lý

04

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm, có 0 đồng (năm 2015: 0 đồng) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHỌI CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.239.956	15.912.366
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.947.564.545	20.335.509.694
Tổng	13.952.804.501	20.351.422.060

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Đầu tư chứng khoán đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	32.275.600.000	32.275.600.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	32.275.600.000	32.275.600.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	32.275.600.000	32.275.600.000	10.000.000.000	10.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trình bày khoản tiền gửi có kỳ hạn vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với thời hạn 9 tháng, lãi suất 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

B Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	79.470.744.769	137.023.370.630
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	49.900.667.600	59.650.046.899
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	1.268.100.365	77.373.323.731
Công ty Cổ Phần Năng Lượng An Phú	22.694.067.621	-
Phải thu của các khách hàng khác	5.607.909.183	-
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	79.470.744.769	137.023.370.630
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	51.168.767.965	137.023.370.630
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	49.900.667.600	59.650.046.899
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	1.268.100.365	77.373.323.731
Tổng	51.168.767.965	137.023.370.630

5.4 Phải thu cho vay

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu cho vay ngắn hạn	40.184.604.375	3.684.604.375
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển An Pha	3.684.604.375	3.684.604.375
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	36.500.000.000	-
b) Phải thu cho vay dài hạn	134.200.000.000	120.800.000.000
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	120.800.000.000	120.800.000.000
Doanh Nghiệp Tư nhân Đặng Toàn	13.400.000.000	-
Tổng	174.384.604.375	124.484.604.375

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	3.292.770.597	-	3.463.683.072	-
- Phải thu lãi cho vay Công ty Cổ phần Dầu Khí An Pha	188.583.333	-	8.400.000	-
- Phải thu lãi cho vay Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	622.435.443	-	557.568.776	-
- Phải thu lãi cho vay Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển An Pha	2.221.742.590	-	2.065.945.235	-
- Phải thu lãi cho vay DNTN Đặng Toàn	86.541.667	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	77.713.000	-	537.213.000	-
- Tạm ứng	94.289.589	-	294.556.061	-
- Phải thu khác	1.464.975	-	-	-
Dài hạn	24.719.932.683	-	24.725.847.433	-
- Ký cược, ký quỹ	271.210.000	-	271.210.000	-
- Phải thu Ông Trần Minh Loan (*)	24.448.722.683	-	24.454.637.433	-
Tổng	28.012.703.280	-	28.189.530.505	-

(*) Căn cứ Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 2b/QĐ-ASP/2015 ngày 30/6/2015, chuyển toàn bộ khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần Xăng dầu An Pha thành khoản nợ phải thu dài hạn Ông Trần Minh Loan.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

B Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.300.000.000	-	1.800.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Năng Lượng Vinabenny	-	-	500.000.000	-
+ Công ty CP Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 01-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
+ Công ty CP Công Nghệ An Toàn Dầu Khí Việt Nam	-	-	-	1.300.000.000

5.7 Chi phí trả trước

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tại ngày 01 tháng 01	968.235.143	103.684.884
Tăng trong năm	720.999.158	2.896.898.543
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.374.812.104	2.032.348.284
Tại ngày 31 tháng 12	314.422.197	968.235.143

Chi tiết chi phí trả trước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	314.422.197	968.235.143
- Chi phí bảo lãnh phát hành	138.022.197	650.715.143
- Bản quyền phần mềm	176.400.000	317.520.000
b) Dài hạn	-	-
Tổng	314.422.197	968.235.143

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			288.561.831.227	288.561.831.227	-	288.561.831.227	288.561.831.227	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	98,11%	98,11%	112.221.371.235	112.221.371.235	-	112.221.371.235	112.221.371.235	-
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	100%	100%	176.340.459.992	176.340.459.992	-	176.340.459.992	176.340.459.992	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			12.825.395.625	10.725.395.625	2.100.000.000	12.825.395.625	10.725.395.625	2.100.000.000
Công ty CP Đầu Tư Phát Triển An Pha	30,00%	30,00%	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000	-	2.100.000.000
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hongvina	35,00%	35,00%	10.725.395.625	10.725.395.625	-	10.725.395.625	10.725.395.625	-
Tổng			301.387.226.852	299.287.226.852	2.100.000.000	301.387.226.852	299.287.226.852	2.100.000.000

5.9 Phải trả người bán

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	81.330.938.491	81.330.938.491	105.821.880.345	105.821.880.345
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	33.100.705.457	33.100.705.457	12.623.455.034	12.623.455.034
Công ty CP Kinh Doanh Sản Phẩm Khí	28.346.722.626	28.346.722.626	22.280.440.104	22.280.440.104
Pit International Trading Pte Ltd	11.335.378.336	11.335.378.336	-	-
Công ty TNHH Super Gas	-	-	60.607.032.845	60.607.032.845
Các đối tượng khác	8.548.132.072	8.548.132.072	10.310.952.362	10.310.952.362
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	81.330.938.491	81.330.938.491	105.821.880.345	105.821.880.345
Trong đó:				
c. Phải trả các bên liên quan	210.129.411	210.129.411	-	-
Công ty Cổ Phần Dầu Khí An Pha	210.129.411	210.129.411	-	-

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Phải nộp	1.236.954.352	5.835.261.858	6.123.883.595	948.332.615
Thuế GTGT	79.357.297	2.765.236.276	2.844.593.573	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.058.452.647	989.721.341	68.731.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.022.316.030	1.573.614.641	1.834.725.716	761.204.955
Thuế thu nhập cá nhân	135.281.025	434.958.294	451.842.965	118.396.354
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	-	-	-	-
Số còn phải nộp	1.236.954.352	5.835.261.858	6.123.883.595	948.332.615

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	513.232.011	164.185.450
Chi phí lãi vay	513.232.011	163.117.452
Chi phí khác	-	1.067.998
b) Dài hạn	-	-
Tổng	513.232.011	164.185.450

5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.490.465.988	1.131.222.591
Kinh phí công đoàn	8.872.870	12.379.100
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	643.080.169	643.080.169
Các khoản phải trả, phải nộp khác	838.512.949	475.763.322
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Tổng	1.490.465.988	1.131.222.591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vay và nợ thuê tài chínhĐơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu kỳ		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	127.334.064.653	127.334.064.653	641.419.478.515	594.520.498.808	80.435.084.946	80.435.084.946	
Ngân hàng Mizuho	108.065.710.613	108.065.710.613	369.033.107.679	297.750.021.315	36.782.624.249	36.782.624.249	
- Chi nhánh Hồ Chí Minh							
TOKYO-MITSUBISHI BANK	19.268.354.040	19.268.354.040	272.386.370.836	296.770.477.493	43.652.460.697	43.652.460.697	
- Chi nhánh Hồ Chí Minh							
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-	
Tổng	127.334.064.653	127.334.064.653	641.419.478.515	594.520.498.808	80.435.084.946	80.435.084.946	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ AN PHA

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	62.308.006.935	437.443.305.151
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.043.375.407	5.043.375.407
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	5.043.375.407	5.043.375.407
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	11.201.862.600	11.201.862.600
Chia cổ tức	-	-	-	-	11.201.862.600	11.201.862.600
Số dư tại 31/12/2015	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	56.149.519.742	431.284.817.958
Số dư tại 01/01/2016	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	56.149.519.742	431.284.817.958
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.659.588.549	4.659.588.549
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	4.659.588.549	4.659.588.549
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	373.399.290.000	1.433.420.000	(3.639.900)	306.228.116	60.809.108.291	435.944.406.507

Đơn vị tính: VND

NAM
25
TH

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu phổ thông	37.339.929	37.339.929
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	387	387
Cổ phiếu phổ thông	387	387
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu phổ thông	37.339.542	37.339.542
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

c. Các quỹ của Công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	306.228.116	306.228.116
Tổng	306.228.116	306.228.116

5.15 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán LPG	750.412.805.252	585.031.280.005
Tổng	750.412.805.252	585.031.280.005
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	750.412.805.252	585.031.280.005

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn bán LPG	736.357.676.976	576.283.588.366
Tổng	736.357.676.976	576.283.588.366

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.923.246.458	8.268.909.482
Cổ tức, lợi nhuận được chia	257.404.095	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	32.022.000	-
Tổng	9.212.672.553	8.268.909.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	4.076.285.617	2.328.633.502
Lỗ chênh lệch tỷ giá	187.665.546	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(4.179.814.123)
Chi phí tài chính khác	26.950.063	227.669.775
Tổng	4.290.901.226	(1.623.510.846)

5.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.513.885.815	3.243.411.004
Chi phí vật liệu quản lý	164.921.813	217.748.159
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.729.153	38.019.910
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.227.000
Chi phí dự phòng	(500.000.000)	1.800.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.144.974.868	4.651.108.672
Chi phí bằng tiền khác	3.380.184.764	2.164.739.293
Tổng	12.743.696.413	12.118.254.038

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1.1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.233.203.190	6.586.453.429
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.892.274.112</i>	<i>427.537.578</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.892.274.112</i>	<i>427.537.578</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>257.404.095</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>257.404.095</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	7.868.073.207	7.013.991.007
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>20%</i>	<i>22%</i>
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.573.614.641	1.543.078.022
Thuế thu nhập được miễn giảm	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	-
Thuế TNDN hiện hành	1.573.614.641	1.543.078.022

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	1.689.682.500	1.516.362.500

Giao dịch các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi cho vay			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con	6.774.866.667	7.117.835.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Anpha	Công ty liên kết	155.797.355	222.152.815
Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha	Công ty con	558.400.000	8.400.000
Tổng		7.489.064.022	7.348.387.815

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giao dịch bán			
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Công ty con	418.218.746.090	380.823.474.441
Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha	Công ty con	259.858.889.406	204.207.805.564
Tổng		678.077.635.496	585.031.280.005

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty TNHH MTV Khí Đốt Gia Đình	Nợ tiền hàng	49.900.667.600	59.650.046.899
	Nợ tiền vay	120.800.000.000	120.800.000.000
	Nợ lãi cho vay	622.435.443	557.568.776
Công ty Cổ phần Dầu khí Anpha	Nợ tiền hàng	1.268.100.365	77.373.323.731
	Nợ tiền vay	36.500.000.000	-
	Phải trả thuê bồn	210.129.411	-
	Nợ lãi cho vay	188.583.333	8.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Anpha	Nợ tiền vay	3.684.604.375	3.684.604.375
Ông Trần Minh Loan	Nợ tiền lãi vay	2.221.742.590	2.065.945.235
	Nợ khác	24.448.722.683	24.454.637.433
Tổng		239.844.985.800	288.594.526.449

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.952.804.501	20.351.422.060
Phải thu khách hàng và phải thu khác	281.773.762.835	289.402.949.449
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.275.600.000	10.000.000.000
Tổng	328.002.167.336	319.754.371.509
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	127.334.064.653	80.435.084.946
Phải trả người bán và phải trả khác	82.821.404.479	106.953.102.936
Chi phí phải trả	513.232.011	164.185.450
Tổng	210.668.701.143	187.552.373.332

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm là 11.335.378.336 đồng.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Công nợ tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	82.821.404.479	-	82.821.404.479
Chi phí phải trả	513.232.011	-	513.232.011
Các khoản vay	127.334.064.653	-	127.334.064.653
Tổng	210.668.701.143	-	210.668.701.143
Tại 01/01/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	106.953.102.936	-	106.953.102.936
Chi phí phải trả	164.185.450	-	164.185.450
Các khoản vay	80.435.084.946	-	80.435.084.946
Tổng	187.552.373.332	-	187.552.373.332

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.952.804.501	-	13.952.804.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.853.830.152	158.919.932.683	281.773.762.835
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32.275.600.000	-	32.275.600.000
Tổng	169.082.234.653	158.919.932.683	328.002.167.336
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.351.422.060	-	20.351.422.060
Phải thu khách hàng và phải thu khác	143.877.102.016	145.525.847.433	289.402.949.449
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng	174.228.524.076	145.525.847.433	319.754.371.509

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Nhật Ngân

Vũ Văn Thắng

Trần Minh Loan